

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TAM NÔNG
TỈNH ĐỒNG THÁP**

1
**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2018/HNGĐ-ST
Ngày 26 - 11 - 2018
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con,
chia tài sản khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM NÔNG, TỈNH ĐỒNG THÁP

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hùng Cường.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hữu Phúc.
2. Ông Nguyễn Thanh Hùng.

Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Như Ý là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 26 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 249/2018/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 8 năm 2018 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 44/2018/QĐXX-ST ngày 22 tháng 10 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 22/2018/QĐST – HNGĐ, ngày 08/11/2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Phạm Văn T, sinh năm 1969, có mặt.

Địa chỉ: Ấp X, xã A, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Bị đơn: Trần Thị N, sinh năm 1966, vắng mặt.

Địa chỉ: Ấp X, xã A, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn ông Phạm Văn T trình bày:

- Về hôn nhân: Vào năm 2000 ông T và bà N sống chung với nhau và có đăng ký kết hôn tại UBND xã A, huyện T ngày 05/10/2004. Thời gian đầu chung sống rất hạnh phúc nhưng đến năm 2012 thì xảy ra mâu thuẫn và bà N bỏ nhà đi từ đó đến nay không rõ tung tích mặc dù ông T đã nhiều lần đi tìm nhưng vẫn không gặp do đó không hàn gắn được tình cảm. Nhận thấy tình cảm không còn, có sống chung cũng không có hạnh phúc, nay ông T yêu cầu được ly hôn với bà N.

- Về con chung: Trong thời gian chung sống ông T và bà N không có con chung.

- Về chia tài sản: Tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà Trần Thị N đã bị Tòa án nhân dân huyện Tam Nông tuyên bố mất tích theo yêu cầu của ông Phạm Văn T theo Quyết định số: 01/2018/QĐDS-ST, ngày 04/5/2018 và sau khi thụ lý vụ án ly hôn Tòa án cũng đã cho tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng của Tòa án cho bà Trần Thị N đúng theo quy định pháp luật nhưng bà N vẫn không đến Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông T có địa chỉ tại ấp X, xã A, huyện T, tỉnh Đồng Tháp nộp đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn đối với bà N, địa chỉ cư trú: ấp X, xã A, huyện T, tỉnh Đồng Tháp. Xét thấy, người khởi kiện có quyền khởi kiện và đã thực hiện đúng về thủ tục khởi kiện theo quy định tại các Điều 186, 188, 189, 190 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn địa chỉ cư trú cuối cùng: ấp X, xã A, huyện T, tỉnh Đồng Tháp nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tam Nông theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a, khoản 1 Điều 35, điểm a, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bà Trần Thị N đã bị Tòa án nhân dân huyện Tam Nông tuyên bố mất tích theo yêu cầu của ông Phạm Văn T theo Quyết định số: 01/2018/QĐDS-ST, ngày 04/5/2018 và sau khi thụ lý vụ án ly hôn Tòa án cũng đã cho tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng cho bà N đúng theo quy định pháp luật nhưng bà N vắng mặt

lần thứ hai không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà N là phù hợp theo quy định tại Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung tranh chấp:

- Về hôn nhân: Ông T và bà N sống chung với nhau có đăng ký kết hôn tại UBND xã A, huyện T ngày 05/10/2004 do đó hôn nhân của ông T và bà N là hợp pháp. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay ông T cương quyết ly hôn, bà N đã bị Tòa án nhân dân huyện Tam Nông tuyên bố mất tích theo yêu cầu của ông T, trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án cũng đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng cho bà N đúng theo quy định của pháp luật nhưng bà N vẫn không đến Tòa án, theo khoản 2 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình quy định: “2. Trong trường hợp vợ hoặc chồng của người bị Tòa án tuyên bố mất tích yêu cầu ly hôn thì Tòa án giải quyết cho ly hôn”. Căn cứ theo quy định của Điều luật này nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông T là phù hợp.

Về con chung: Trong quá trình chung sống ông T và bà N không có con chung nên Hội đồng không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án quy định: “*Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn*”. Do đó, ông T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng do ông T là thương binh nên được miễn nộp toàn bộ tiền án phí theo quy định tại điểm đ, khoản 1, Điều 12 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bà N không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a, khoản 1 Điều 35, điểm a, khoản 1 Điều 39, Điều 186, 188, 189, 190, 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 9, 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

- Về hôn nhân: Ông Phạm Văn T và bà Trần Thị N được ly hôn.
- Về con chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.
- Về chia tài sản: Tài sản chung: không có, không yêu cầu giải quyết; về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.
- Về án phí dân sự sơ thẩm:
 - + Ông Phạm Văn T không phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm do ông Phạm Văn T là thương binh nên được miễn nộp.
 - + Bà Trần Thị N không phải chịu án phí sơ thẩm.

Báo cho nguyên đơn có mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 26-11-2018). Riêng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Tam Nông;
- Các đương sự;
- CC THADS huyện Tam Nông;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Hùng Cường